

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 67/2020/KDTM-PT

Ngày: 05/6/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Các thẩm phán:

Bà Ngô Tuyết Băng

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: **Bà Đoàn Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội không tham gia phiên tòa.

Ngày 5/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 87/2020/TLPT-KDTM ngày 11/03/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2019/KDTM-ST ngày 27/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 171/2020/QĐXXPT-KDTM ngày 12/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2020/QĐ-HPT ngày 26/5/2020 giữa:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Kỹ thuật B

Trụ sở: Số 970B BQ, phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: **Bà Trương Thị Nguyệt A**. Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: **Bà Đoàn Thị Thu T**. Chức vụ: Trưởng Văn phòng đại diện tại Hà Nội (Giấy ủy quyền số 10/2020/UQ/BSE ngày 27/4/2020 của Tổng giám đốc Công ty)

Luật sư **Trương Nhật Q** – Văn phòng Luật sư A là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn.

Bị đơn: Tổng Công ty L

Địa chỉ: Nhà G, phường T, quận T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Phan Thanh H.** Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Đinh Hải N.**, sinh 1990 **ông Phan Thành L** sinh 1992 (Giấy ủy quyền số 125A/2020/UQ-L ngày 26/3/2020 của Tổng giám đốc Tổng Công ty)

(Các đương sự và luật sư có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tổng Công ty X - Công ty TNHH MTV (Nay là Tổng Công ty L, Gọi là Tổng L) là nhà thầu chính của Dự án xây dựng công trình trụ sở Văn phòng Báo Thanh niên tại địa chỉ số 268-270 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 10/01/2014, Tổng L do Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Kỹ thuật B (Gọi là Công ty B) ký kết Hợp đồng thi công xây dựng về việc thi công hệ thống điện nước – BTN mang số 03/2014/HĐTC/VPĐD. Nội dung hợp đồng thể hiện việc: Tổng L giao cho Công ty B thi công phần điện và cấp thoát nước của Gói thầu số 2 thuộc Dự án theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong Hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư, biên bản đàm phán hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng. Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 10/01/2014 (ngày ký hợp đồng) đến hết ngày 10/12/2014. Giá trị hợp đồng là 5.035.922.000đ (đã bao gồm thuế VAT), kèm theo hợp đồng chính còn có các phụ lục hợp đồng từ số 01 đến 03 quy định chi tiết về các vật liệu thi công, lắp đặt cho phần thi công theo hợp đồng.

Trong các ngày 22/4/2015; 28/5/2015; 16/7/2015 các bên còn tiếp tục ký các Phụ lục hợp đồng từ số 04 đến 06 để điều chỉnh đơn giá của một số thiết bị trong hợp đồng và điều chỉnh tổng giá trị cuối cùng của hợp đồng lên thành 5.381.162.507đ.

Thực hiện hợp đồng, Công ty B đã thi công, lắp đặt các hạng mục công việc theo đúng quy định trong hợp đồng và đã được chủ đầu tư cùng các bên liên quan

nghiệm thu công trình. Ngày 21/11/2016, Công ty B và Tổng L đã tiến hành lập bảng tổng hợp giá trị quyết toán khối lượng công việc hoàn thành, xác nhận giá trị thực hiện là 5.364.433.413đ.

Đến ngày 12/02/2018, Tổng L đã thanh toán cho Công ty B 09 lần tổng cộng là 4.564.433.413đ. Số tiền còn lại chưa thanh toán là 800.000.000đ.

Công ty B đã xuất hóa đơn cho Tổng L để thực hiện việc thanh toán và báo cáo quyết toán thuế.

Ngày 27/02/2017 và ngày 03/01/2018, Tổng L đã gửi thư xác nhận số dư nợ còn lại của mình đối với Công ty B là 800.000.000đ.

Công ty B đề nghị Tòa án buộc Tổng L thanh toán trả cho Công ty B số tiền, trong đó nợ gốc là 800.000.000đ và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 21/11/2016 đến ngày 21/9/2018 là 132.000.000đ.

Ngày 23/12/2019, Công ty B có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không đòi tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Công ty B chỉ yêu cầu Tổng L thanh toán số tiền nợ gốc là 800.000.000đ.

Tổng L không thừa nhận việc ký kết Hợp đồng số 03/2014/HĐTC/VPĐD ngày 10/01/2014 vì lý do Hợp đồng do Công ty B ký kết với Văn phòng đại diện của Tổng L. Các phụ lục hợp đồng, hồ sơ trong quá trình thi công, hồ sơ thanh toán, bảng tổng hợp giá trị thực hiện đều không có chữ ký, con dấu và ủy quyền của Tổng L. Tổng L cho rằng việc ký kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng giữa hai bên nhưng Tổng L hoàn toàn không biết về thực tế thi công và giá trị của hợp đồng do Công ty B không thực hiện nghĩa vụ thông báo theo Điều 145,146 Bộ luật Dân sự. Tổng L đề nghị Công ty B phải cung cấp đầy đủ các văn bản trong quá trình thực hiện hợp đồng, các văn bản chứng minh giá trị hợp đồng là 5.364.433.413đ bao gồm hồ sơ nghiệm thu và hồ sơ thanh toán các đợt. Tổng L yêu cầu Công ty B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình để làm cơ sở thanh toán. Căn cứ Điều 6.4 và Điều 6.6 của Hợp đồng số 03/2014/HĐTC/VPĐD ngày 10/01/2014, Tổng L sẽ thanh toán đến 85% giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, 15% còn lại sẽ được thanh toán khi Công ty B cung cấp biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và các hồ sơ làm căn cứ xác định giá trị thanh toán, cung cấp đầy

đủ hồ sơ hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình. Như vậy, Tổng L phải giữ lại số tiền $5.364.433.413đ \times 15\% = 804.665.011đ$. Căn cứ quy định của pháp luật và thỏa thuận trong hợp đồng, để có cơ sở thanh toán 15% giá trị còn lại của hợp đồng, Công ty B phải có nghĩa vụ lập và hoàn thiện hồ sơ quyết toán và hồ sơ bảo hành. Tổng L yêu cầu Công ty B cung cấp các hồ sơ chất lượng của sản phẩm do Công ty B thi công bao gồm các văn bản chứng minh nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm và các kết quả thí nghiệm của sản phẩm, vật liệu và các hồ sơ chất lượng khác theo quy định của pháp luật. Tổng L xác nhận đã thanh toán cho Công ty B số tiền 4.564.433.413đ. Số tiền còn lại Tổng L sẽ thanh toán đầy đủ khi Công ty B cung cấp đầy đủ các hồ sơ tài liệu theo yêu cầu và được các bên xác nhận. Tổng L đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Công ty B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Tổng L xác nhận việc đã gửi thư xác nhận số dư nợ cho Công ty B để phục vụ cho mục đích kiểm toán, không phải là yêu cầu thanh toán.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2019/KDTM-ST ngày 27/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Kỹ thuật B về việc Tổng Công ty L phải thanh toán khoản tiền nợ của Hợp đồng thi công xây dựng số 03/2014/HĐTC/VPĐD ngày 10/01/2014 và các phụ lục hợp đồng 04 ngày 22/4/2015, phụ lục hợp đồng 05 ngày 28/5/2015, phụ lục hợp đồng 06 ngày 16/7/2015.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Kỹ thuật B yêu cầu Tổng Công ty L thanh toán về số tiền lãi tạm tính là 132.000.000đ.

2. Buộc Tổng Công ty L phải thanh toán trả cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật B số tiền nợ gốc là 800.000.000đ.”

Ngoài ra Bản án còn tuyên về việc phải chịu lãi suất do chậm thi hành án và nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm cùng quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án nêu trên, ngày 06/01/2020, Tổng L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của Bị đơn và giữ nguyên án sơ thẩm. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn trình bày luận cứ có nội dung chính:

Bị đơn cho rằng Tòa án sơ thẩm không xem xét các yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ của Tổng L về hồ sơ thanh toán các đợt trong hợp đồng, các văn bản giao nhận hồ sơ mà Nguyên đơn xuất trình nhưng thực tế các hồ sơ thanh toán đã được Công ty B xuất trình là các văn bản mà Tổng L và Công ty B đều giữ, trong quá trình tố tụng và tiếp cận công khai chứng cứ Tổng L đều biết. Trong biên bản ghi ý kiến ngày 30/5/2019, Tổng L xác nhận còn giữ số tiền 804.665.011đ để đảm bảo cho Công ty B thực hiện các nghĩa vụ để làm cơ sở thanh toán. Tại Biên bản đối chất ngày 03/7/2019 và Biên bản hòa giải ngày 08/8/2019 đại diện Tổng L đều xác định sẽ thanh toán và chỉ yêu cầu Công ty B hoàn thiện hồ sơ. Như vậy, Tổng L đã xác nhận công nợ đối với Công ty B nên yêu cầu khởi kiện của Công ty B là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Bị đơn làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo, HĐXX thấy rằng: Hợp đồng số 03/2014/HĐTC/VPĐD ngày 10/01/2014 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Kỹ thuật B (Công ty B) và Văn phòng Đại diện Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng Công ty X – Công ty TNHH MTV (tức đại diện của Tổng L), mặc dù chưa đáp ứng về điều kiện chủ thể ký kết, không có giấy ủy quyền của Tổng giám đốc Tổng L nhưng Tổng L có biết và không có ý kiến gì phải đối thể hiện ở việc Tổng L đã 09 lần trực tiếp thanh toán tiền cho Công ty B với tổng số tiền là 4.564.433.413đ

Tiếp theo ngày 27/02/2017 Tổng L đã gửi Thư xác nhận số dư đề nghị Công ty B xác nhận số dư nợ của Tổng L ngày 31/12/2016 tại Công ty B để phục vụ mục đích kiểm toán. Phần xác nhận của Công ty B có nội dung tại ngày 31/12/2016 số tiền Tổng L còn nợ là 1.755.685.893,00 VNĐ.

Khoản nợ trên một lần nữa lại được chính Tổng giám đốc Tổng L xác nhận lại tại Thư xác nhận ngày 03/01/2018, nội dung:

“Tại cuối ngày 31/12/2017 trên sổ kế toán của chúng tôi phản ánh có khoản công nợ phải trả quý vị như sau:

Chúng tôi còn nợ Quý vị: 1.000.000.000,00 VND

Quý vị còn nợ chúng tôi: 0,00 VND

Tại đầu ngày 01/01/2017 trên sổ kế toán của chúng tôi đang phản ánh khoản công nợ phải trả với Quý vị như sau:

Chúng tôi còn nợ Quý vị: 1.755.685.893,00 VND

Quý vị còn nợ chúng tôi: 0,00 VND

Nếu Quý vị không đồng ý với các số dư nêu trên xin thông báo trực tiếp với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán A (A) đầy đủ chi tiết về khoản chênh lệch đã nêu trong thư này.”

Vì vậy, xác định Hợp đồng số 03/2014/HĐTC/VPĐD ngày 10/01/2014 có hiệu lực và thực tế các bên đã rất tích cực thực hiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn tiếp tục thừa nhận sau khi có xác nhận tổng dư nợ của mình tại Công ty B do Nguyên đơn ký ngày 31/12/2016, Bị đơn còn tiếp tục thanh toán trả Nguyên đơn số tiền là 755.685.893đ vào ngày 13/10/2017. Đầu tháng 1/2018 Bị đơn còn Thư xác nhận khoản nợ còn lại 1.000.000.000đ cho Công ty B và sau ngày gửi Thư xác nhận này (03/01/2018) Bị đơn còn thanh toán trả Nguyên đơn thêm 200.000.000đ. Hiện Bị đơn còn nợ lại Nguyên đơn số tiền 800.000.000đ.

Cũng tại phiên tòa, Bị đơn thừa nhận Công trình xây dựng trụ sở Báo Thanh niên do Bị đơn là Nhà thầu chính và Công ty B là Nhà thầu phụ đã được đưa vào sử dụng từ cuối năm 2016 đến nay không thấy có sự phản ánh nào của Chủ đầu tư với Nhà thầu chính về chất lượng công trình.

Trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn đã có đơn xin rút yêu cầu đòi tiền lãi chậm trả trên số nợ gốc mà Bị đơn chưa thanh toán nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử buộc Bị đơn phải thanh toán trả Nguyên đơn số nợ gốc 800.000.000đ là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của Bị đơn không có căn cứ để chấp nhận. Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm kinh doanh thương mại số 26/2019/KDTM-ST ngày 27/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc thanh toán tiền công xây dựng của Công ty Cổ phần Kỹ thuật B đối với Tổng Công ty L.

Buộc Tổng Công ty L phải thanh toán trả cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật B số tiền 800.000.000đ tiền công xây dựng.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Kỹ thuật B yêu cầu Tổng Công ty L thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán của số nợ gốc nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền chưa thanh toán theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Tổng Công ty L phải chịu 36.000.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, Tổng Công ty đã nộp tạm ứng 2.000.000đ theo biên lai số 0006773 ngày 15/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, nay còn phải nộp tiếp 36.000.000đ.

Hoàn trả Công ty Cổ phần Kỹ thuật B 19.980.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005827 ngày 01/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THA Thanh Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thuý Hạnh